CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **2618855**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **TRẠI CỒN BẦN**
   Địa chỉ: Ấp Long Thành, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long
2. **Phân loại mẫu** : Nước mặt
3. **Thông tin mẫu** : **NM** – Nước mặt sông Hàm Luông. MHM: 2617092
4. **Ngày lấy mẫu** : 24/09/2026
5. **Ngày trả kết quả** : 21/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT Bảng 2, Mức B	Phương pháp phân tích
01	pH	-	7,82	**6,0 – 8,5**	TCVN 6492:2011
02	DO	mg/L	5,01	**≥ 5**	TCVN 7325:2016
03	TSS	mg/L	27	**≤ 100**	TCVN 6625:2000
04	COD	mg/L	18	**≤ 15**	SMEWW 5220C:2023
05	$N - NO_3^-$	mg/L	0,12	-	TCVN 6180:1996
06	$P - PO_4^{3-}$	mg/L	< LOQ = 0,067	-	SMEWW 4500-P.E:2023
07	Coliform	MPN /100ml	$3,3 \times 10^2$	**≤ 5.000**	SMEWW 9221B:2023

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng, MHM: Mã hóa mẫu
- QCVN 08:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **2618836**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **TRẠI CỒN BẦN**
   Địa chỉ: Ấp Long Thành, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Thông tin mẫu** : **NT1** – Nước thải đầu ra tại ao xử lý XL1. MHM: 2617114
4. **Ngày lấy mẫu** : 24/09/2026
5. **Ngày trả kết quả** : 21/10/2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A Kq=0,9; Kf=0,9	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,87	**6 - 9**	TCVN 6492:2011
2	BOD_5 (20°C)	mg/L	21	**24,3**	SMEWW 5210B:2023
3	COD	mg/L	38	**60,75**	SMEWW 5220C:2023
4	TSS	mg/L	35	**40,5**	TCVN 6625:2000
5	S^{2-} (tính theo H_2S)	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	**0,162**	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023
6	$N - NH_4^+$	mg/L	< LOQ = 1,67	**4,05**	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nitơ	mg/L	10,2	**16,2**	TCVN 6638:2000
8	Tổng Phospho	mg/L	0,93	**3,24**	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD = 1,0)	**4,05**	SMEWW 5520B&F:2023
10	Coliform	MPN /100ml	$1,1 \times 10^3$	**3000**	SMEWW 9221B:2023

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không Phát Hiện, LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **2618837**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **TRẠI CỒN BẦN**
   Địa chỉ: Ấp Long Thành, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Thông tin mẫu** : **NT2** – Nước thải đầu ra tại ao xử lý XL2. MHM: 2617115
4. **Ngày lấy mẫu** : 24/09/2026
5. **Ngày trả kết quả** : 21/10/2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A Kq=0,9; Kf=0,9	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,34	**6 - 9**	TCVN 6492:2011
2	BOD_5 (20°C)	mg/L	14	**24,3**	SMEWW 5210B:2023
3	COD	mg/L	26	**60,75**	SMEWW 5220C:2023
4	TSS	mg/L	18	**40,5**	TCVN 6625:2000
5	S^{2-} (tính theo H_2S)	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	**0,162**	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023
6	$N - NH_4^+$	mg/L	KPH (LOD = 0,5)	**4,05**	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nitơ	mg/L	8,8	**16,2**	TCVN 6638:2000
8	Tổng Phospho	mg/L	0,73	**3,24**	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD = 1,0)	**4,05**	SMEWW 5520B&F:2023
10	Coliform	MPN /100ml	$3,6 \times 10^2$	**3000**	SMEWW 9221B:2023

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không Phát Hiện, LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **2618838**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **TRẠI CỒN BẦN**
   Địa chỉ: Ấp Long Thành, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Thông tin mẫu** : **NT3** – Nước thải đầu ra tại ao xử lý XL3. MHM: 2617116
4. **Ngày lấy mẫu** : 24/09/2026
5. **Ngày trả kết quả** : 21/10/2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A Kq=0,9; Kf=0,9	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,53	**6 - 9**	TCVN 6492:2011
2	BOD_5 (20°C)	mg/L	24	**24,3**	SMEWW 5210B:2023
3	COD	mg/L	42	**60,75**	SMEWW 5220C:2023
4	TSS	mg/L	31	**40,5**	TCVN 6625:2000
5	S^{2-} (tính theo H_2S)	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	**0,162**	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023
6	$N - NH_4^+$	mg/L	< LOQ = 1,67	**4,05**	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nitơ	mg/L	9,3	**16,2**	TCVN 6638:2000
8	Tổng Phospho	mg/L	0,87	**3,24**	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD = 1,0)	**4,05**	SMEWW 5520B&F:2023
10	Coliform	MPN /100ml	$4,0 \times 10^2$	**3000**	SMEWW 9221B:2023

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không Phát Hiện, LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp